

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HNGĐ - ST

Ngày 11/9/2020.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc T, ông Đinh Công H .

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu L – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2000.

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1998.

Đều có địa chỉ: Xóm 5 Phương Đông, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị H có mặt và anh Đ vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Giữa tôi và anh Trần Văn Đ có Đ ký kết hôn với nhau vào ngày 20/8/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống với nhau tại nhà anh Đ ở xóm 5 Phương Đông, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không thể hòa hợp, bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế. Anh Đ lại hay chơi bời dẫn đến nợ nần và không giúp đỡ tôi các công việc trong gia đình cũng như nuôi dạy con. Cả hai đã cố gắng hòa giải hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên đến 06/2020 tôi đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Bích Sơn, xã G (nhưng chưa Đ ký tạm trú) để sinh sống. Cả hai sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung, theo chị H trình bày: Tôi và anh Trần Văn Đ có 01 con chung, cháu là Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/11/2017. Hiện nay cháu đang ở với anh Đ. Khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án xét giải quyết cho tôi được trực tiếp nuôi cháu Đ và tôi không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Chị H khai vợ chồng không có tài sản và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày: Việc kết hôn giữa tôi và chị Nguyễn Thị Thanh H, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc rồi xảy ra mâu thuẫn cũng đúng như chị H đã trình bày nêu trên. Tôi thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, cả hai đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Việc chị H có đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn vì tôi còn tình cảm với vợ và tôi chỉ đồng ý ly hôn chỉ khi chị H đồng ý để tôi được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: Anh Đ trình bày: Vợ chồng tôi có 01 con chung cháu là Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/11/2017. Hiện nay cháu đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được trực tiếp nuôi cháu Đ và tôi không yêu cầu cô H phải đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng, anh Đ khai không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Trần Văn Đ; Giao cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Nguyễn Tiến Đ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; Chị H phải nộp số tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn là anh Trần Văn Đ có địa chỉ: Xóm 5 Phương Đông, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy

định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Văn Đ là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống tại xóm 5 Phương Đông, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm về cách sống cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Dẫn đến hay xảy ra cãi vã. Kể từ tháng 6/2020 đến nay chị H và anh Đ đã sống ly thân hoàn toàn. Anh Đ tuy thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nghiêm trọng nhưng không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần và cho cả hai vợ chồng thời gian để hòa giải hàn gắn nhưng anh Đ không tìm được biện pháp nào để hòa giải. Anh Đ muốn đoàn tụ nhưng lại xin xử vắng mặt, đồng thời anh Đ lại ra điều kiện đồng ý ly hôn chỉ khi chị H đồng ý để anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đã cho thấy anh Đ không có thiện chí thực sự để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Văn Đ đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không Đ được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H xử cho chị H được ly hôn anh Trần Văn Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Văn Đ có 01 con chung, cháu là Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/11/2017. Xét hiện nay cả chị H và anh Đ đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha mẹ, đều có việc làm và thu nhập ổn định nên đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên hiện nay cháu Đ còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Đ cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Nguyễn Tiến Đ là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các bên đương sự đều không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp án phí s- thêm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

V× c, c lĩ tr^n:

**QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn vắng mặt anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27/11/2017 kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000092 ngày 02/7/2020.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN HỮU Q**